

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 48

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 5 tháng 1 năm 2011 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa một doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Xây Lắp Thừa Thiên Huế) theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng, thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư; sản xuất vật liệu xây dựng; kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi; và sản xuất sản phẩm khác từ gỗ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 9 Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đức Hiền	Chủ tịch
Ông Lê Quý Định	Thành viên
Ông Đoàn Hữu Thuận	Thành viên
Ông Lê Tấn Phước	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Lê Thị Cẩm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quý Định.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Giám đốc:

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61141813/17793038/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

431
ON
NH
ST
VIỆ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		415.374.528.647	393.750.809.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	179.466.495.169	143.997.765.035
111	1. Tiền		90.398.110.505	93.551.315.538
112	2. Các khoản tương đương tiền		89.068.384.664	50.446.449.497
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		41.150.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	41.150.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94.522.789.284	157.218.130.167
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	90.746.824.761	169.181.355.397
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	752.007.250	4.291.590.421
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	774.368.993	1.068.970.641
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	19.467.068.476	15.004.082.123
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(17.369.179.525)	(32.327.868.415)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		151.699.329	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	88.743.934.775	82.793.476.678
141	1. Hàng tồn kho		89.048.857.705	83.080.629.007
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(304.922.930)	(287.152.329)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.491.309.419	9.741.437.524
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.222.915.251	619.931.973
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	1.032.872.412	1.904.020.463
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	9.235.521.756	7.217.485.088
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		234.664.983.473	267.979.982.770
210	I. Phải thu dài hạn		294.501.800	-
216	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		294.501.800	-
220	II. Tài sản cố định		108.641.433.450	120.018.888.014
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	105.683.423.232	117.256.300.659
222	Nguyên giá		231.100.456.157	229.352.924.622
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(125.417.032.925)	(112.096.623.963)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.958.010.218	2.762.587.355
228	Nguyên giá		3.761.808.693	3.369.278.693
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(803.798.475)	(606.691.338)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	45.500.373.024	48.558.966.156
231	1. Nguyên giá		60.345.211.948	60.345.211.948
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.844.838.924)	(11.786.245.792)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.737.032.152	50.273.727
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.737.032.152	50.273.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	14	61.837.916.971	57.401.818.782
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		60.715.343.281	56.279.245.092
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.122.573.690	1.122.573.690
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14.653.726.076	41.950.036.091
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.508.857.967	41.683.134.364
262	2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	31.3	1.144.868.109	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	266.901.727
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		650.039.512.120	661.730.792.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		382.706.426.692	442.827.451.120
310	I. Nợ ngắn hạn		230.263.905.348	289.661.991.177
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	62.958.606.278	105.113.432.697
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	19.624.680.562	32.296.913.779
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	13.233.440.053	10.374.259.090
314	4. Phải trả người lao động		22.940.064.607	22.894.349.736
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		591.346.833	449.985.576
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	2.902.100.457	2.568.804.472
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	56.660.165.435	59.884.725.366
320	8. Vay ngắn hạn	21	37.718.108.156	39.075.638.696
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	9.925.836.144	14.061.404.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.709.556.823	2.942.477.765
330	II. Nợ dài hạn		152.442.521.344	153.165.459.943
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	48.320.582.208	16.589.498.043
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	82.348.171.548	118.273.349.416
338	3. Vay và nợ dài hạn	21	6.157.759.640	6.932.627.840
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	3.775.245.255	3.068.057.653
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	11.840.762.693	8.301.926.991
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		267.333.085.428	218.903.341.054
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	267.333.085.428	218.903.341.054
411	1. Vốn cổ phần		138.600.000.000	126.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		138.600.000.000	126.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		8.076.100.000	7.070.000.000
418	3. Quỹ đầu tư và phát triển		6.997.176.421	5.456.535.407
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		90.488.427.348	63.077.268.212
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		39.721.732.057	32.769.444.032
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		50.766.695.291	30.307.824.180
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	23.171.381.659	17.299.537.435
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		650.039.512.120	661.730.792.174

Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	402.794.729.470	551.668.029.042
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	(798.680.531)	(925.824.477)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	401.996.048.939	550.742.204.565
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(326.135.234.988)	(466.190.970.701)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		75.860.813.951	84.551.233.864
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	3.878.466.511	6.306.535.400
22	7. Chi phí tài chính	29	(2.859.985.555)	(5.063.364.719)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.777.289.637)	(4.980.822.095)
24	8. Phần lãi từ các công ty liên kết		9.419.359.189	7.818.946.597
25	9. Chi phí bán hàng	27	(5.910.804.538)	(5.496.343.485)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(27.757.641.844)	(54.830.127.313)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.630.207.714	33.286.880.344
31	12. Thu nhập khác	28	11.916.965.476	8.553.925.088
32	13. Chi phí khác	28	(1.979.799.351)	(1.746.841.698)
40	14. Lợi nhuận khác	28	9.937.166.125	6.807.083.390
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.567.373.839	40.093.963.734
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(8.826.231.687)	(5.761.387.911)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	437.680.507	(242.219.074)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		54.178.822.659	34.090.356.749
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		50.766.695.291	36.607.824.180
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		3.412.127.368	(2.517.461.431)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	3.520	2.504
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	3.520	2.504

Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu

Lê Văn Tài
Kế toán trưởng

Lê Quý Định
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

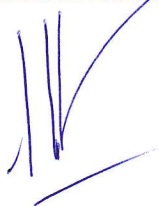
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		542.710.349.006	592.758.865.608
02	Tiền chi trả cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(317.281.568.288)	(378.228.671.363)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(82.333.598.760)	(92.551.207.399)
04	Tiền chi trả lãi vay		(2.805.304.478)	(5.046.425.895)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	31.2	(8.960.038.146)	(5.323.729.225)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.587.512.015	116.900.693.751
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.423.835.311)	(84.082.692.885)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		82.493.516.038	144.426.832.592
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(3.263.330.781)	(1.210.307.405)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.620.389.090	212.818.182
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay và gửi ngắn hạn ngân hàng		(48.693.832.000)	-
24	Tiền thu hồi cho đơn vị khác vay		9.772.151.339	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.950.561.000)	(2.083.333.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.242.949.339
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.151.381.193	7.001.585.000
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(34.363.802.159)	6.163.712.116
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.778.350.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		80.998.582.413	85.764.104.388
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(83.130.981.153)	(138.836.150.964)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(12.276.520.500)	(13.249.965.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(12.630.569.240)	(66.322.011.576)

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		35.499.144.639	84.268.533.132
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		143.997.765.035	59.729.231.903
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(30.414.505)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	179.466.495.169	143.997.765.035


Lê Thị Khánh Vân
Người lập biểu


Lê Văn Tài
Kế toán trưởng


Lê Quý Định
Tổng Giám đốc



Ngày 29 tháng 3 năm 2016